**Bài 10. TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Phát triển kĩ năng tự đọc sách: mở rộng văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin théo các chủ đề đã học.

- Nhận biết các đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó.

- Phát triển kĩ năng viết: Viết về một nhân vật yêu thích.

- Phát triển kĩ năng nói và nghe: trình bày, trao đổi về sách, nhân vật yêu thích và các đề tài có liên quan.

**2. Phẩm chất:**

- Yêu thích đọc sách và biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sách học sinh, sách giáo viên.

- Máy chiếu, máy tinh

- Giấy A1 hoặc bảng phụ, màu vẽ, , tư liệu hình ảnh minh hoạ (tranh ảnh và phim ngắn),...

- Phiếu học tập.

**2. Học sinh**

- Đọc văn bản, chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

- Trả lời các câu hỏi trong sách học sinh, thực hiện các hoạt động theo sự hướng dẫn của giáo viên.

- Các cuốn sách liên quan đến chủ đề: Bầu trời tuổi thơ, Khúc nhạc tâm hồn, Cội nguồn yêu thương, Giai điệu đất nước , Màu sắc trăm miền, Bài học cuộc sống, Thế giới viễn tưởng, Trải nghiệm để trưởng thành, Hòa điệu với tự nhiên.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* TRƯỚC GIỜ HỌC**

**-** GV yêu cầu HS đọc và có thể sơ đồ hóa phần Tri thức Ngữ văn (sgk tr.102) vào vở soạn.

- Bổ sung sách mới cho góc đọc sách của lớp, cùng các bạn làm mới góc đọc sách của lớp. Chuẩn bị một số cuốn sách theo chủ đề đã chọn để cùng thiết kế góc đọc sách của lớp (GV hướng dẫn HS xây dựng cây đọc sách với các mẫu nhật kí đọc sách, mẫu phiếu ghi chép về sách của nhóm hoặc cá nhân.)

- Thảo luận xây dựng mục tiêu đọc sách của cá nhân và của nhóm, tìm hiểu cách đọc sách hiệu quả.

**\* TRONG GIỜ HỌC**

**A. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức các hoạt động dạy – học** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**  **\* Mục tiêu**:  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.  - Giúp học sinh tự khám phá thế giới và cảm nhận niềm vui của việc đọc sách. | |
| GV chiếu video đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” (trích *Dế Mèn phiêu lưu kí*) yêu cầu HS quan sát,  GV gọi HS chia sẻ cảm nhận của bản thân sau khi xem video.  Sau khi HS chia sẻ cảm nhận, GV nhận xét, chuyển dẫn kết nối bài học với cuộc sống, dẫn dắt vào nội dung bài học | HS chia sẻ cảm nhận sau khi xem video |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **Hoạt động 1: Giới thiệu bài học**  **Mục tiêu:**  - Nhận biết vấn đề được đề cập đến trong toàn bộ bài 10  - Nhận diện mối quan hệ giữa tên bài với đề từ để bước đầu hiểu được ý nghĩa của việc đọc sách, mối quan hệ giữa sách và cuộc sống, | |
| **B1**: **Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: yêu cầu học sinh đọc đề từ và giới thiệu bài 10. Sơ đồ hóa những nội dung tiếp nhận được từ phần cung cấp của sách học sinh.  + Loại văn bản nào em sẽ được học ở bài học này?  + Loại văn bản đó có vai trò gì trong cuộc sống?  + Những điều em đã đọc từ những cuốn sách có ý nghĩa thế nào?  **B2**: **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc *Đề từ* (1) và phần *Giới thiệu bài học.*  - HS thảo luận về cách hiểu *Đề từ* và về những gì được gợi lên từ phần *Giới thiệu bài học*.  + HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập.  **GV:**  - Hướng dẫn HS đọc, suy nghĩ và làm việc nhóm.  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo thảo luận nhiệm vụ học tập**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập**  **GV:** Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn. | **I. Giới thiệu bài học**  *1. Đề từ*: Thể hiện khát vọng biến ước mơ thành hiện thực. Chỉ rõ mối liên hệ giữa trang sách và thực tế, gắn liền giữa lý thuyết và thực hành.  *2. Giới thiệu bài học*:  - Loại văn bản: nghị luận về tác phẩm văn học  - Vai trò: giải quyết những suy nghĩ, bàn luận những vấn đề của cuộc sống gợi ra từ trang sách  - Ý nghĩa:  + Hiểu được mối liên hệ giữa trang sách và thực tế cuộc sống, giữa những gì được học và những gì cần suy nghĩ, lựa chọn, giải quyết trong cuộc sống.  + Những điều đọc từ trang sách trở thành một phần của cuộc sống, là hành trang tri thức để chúng ta bước vào thế giới rộng lớn. |
| **Hoạt động 2. Khám phá tri thức ngữ văn**  **Mục tiêu**:  - Tìm hiểu đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, các mối quan hệ giữa con người có thực ngoài đời và nhân vật văn học, vấn đề phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản và văn bản đa phương thức một cách đơn giản, dễ hiểu chủ yếu thông qua thực hành. | |
| **B1**: **Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: yêu cầu học sinh đọc phần tri thức ngữ văn bài 10.  GV: Tổ chức HS theo 4 nhóm, thực hiện làm phiếu học tập.  + Văn bản nghị luận về một tác phẩm văn hoc là gì?  + Đặc điểm của lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận?  + Con người có thực ngoài đời có mối liên hệ như thế nào với nhân vật trong tác phẩm văn học?  + Loại văn bản nào sử dụng nhiều phương tiện phi ngôn ngữ, việc sử dụng như vậy có tác dụng gì?  **B2**: **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc phần tri thức ngữ văn  - HS thảo luận theo nhóm  **B3:** **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm báo cáo nội dung đã thảo luận  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các nhóm  GV: chốt nội dung tri thức ngữ văn. | **II. Tri thức ngữ văn**  - Văn bản nghị luận về một tác phẩm văn hoc  - Lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Con người ngoài đời thực có mối liên hệ như thế nào với nhân vật trong tác phẩm văn học  - Phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản đa phương thức.  (SGK/102) |

**B. THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN**

**CHINH PHỤC NHỮNG CUỐN SÁCH MỚI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức các hoạt động dạy – học** | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **HOẠT ĐỘNG CÙNG ĐỌC VÀ TRẢI NGHIỆM**  **Mục tiêu**: Hs tìm đọc những cuốn sách mới để mở rộng các chủ đề đã học, phát triển kĩ năng đọc sách, giới thiệu sách, kĩ năng đọc cùng nhà phê bình để hiểu sâu hơn về giá trị nội dung và nghệ thuật của của cuốn sách vả hiểu hơn về kiểu bài nghị luận về một tác phẩm văn học | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Hướng dẫn HS chia nhóm đọc và lựa chọn cuốn sách của nhóm mình và đưa ra những nội dung cần chia sẻ:  1. Đề tài: Cuốn sách đề cập đến phạm vi nào của đời sống?  2. Bố cục và nội dung chính: Cuốn sách có mấy chương, phần? Nội dung chính của từng chương phần là gì?  3. Nhân vật, sự kiện, bối cảnh nổi bật nào được thể hiện trong cuốn sách?  4. Có những chi tiết quan trọng nào? Những đoạn văn, câu văn nào có thể gợi lên ý nghĩa, vấn đề chính trong cuốn sách?  5. Chủ đề, ý nghĩa, bài học mà em có thể rút ra sau khi đọc cuốn sách là gì?  - GV tổ chức cho HS đọc theo hình thức luân phiên nhau đọc cho nhóm nghe (khuyến khích HS lựa chọn những cuốn có dung lượng ngắn vì thời gian có hạn).  - GV hướng dẫn học sinh lựa chọn hình thức chia sẻ, giới thiệu cuốn sách mà mình đã đọc như: sáng tác pô-xtơ minh họa kết hợp giới thiệu hoặc sơ đồ tư duy kết hợp giới thiệu hoặc xây dựng các đoạn phim ngắn thuyết trình (đã chuẩn bị trước) và tiến hành giới thiệu.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** HS đem quyển sách mà mình đã chuẩn bị lên và cùng nhau thiết kế góc đọc sách của lớp.  **-** HS cùng nhau đọc, sáng tạo pô- xtơ của nhóm theo các nội dung GV đã giao cho.  - Giới thiệu, chia sẻ thông tin đã thu thập được qua hoạt động đọc.  **GV**quan sát, hướng dẫn các em thực hiện.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **GV**yêu cầu HS lên giới thiệu pô-xtơ.  **HS** đại diện nhóm lên treo Pô-xtơ của nhóm (hoặc các video…) và giới thiệu  về cuốn sách của nhóm mình.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV cho các nhóm đánh giá chéo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo tiêu chí của bảng đanh giá. | **I. Cuốn sách mới – chân trời mới**  - Mẫu po-xtơ cho hs tham khảo. | |
| **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| 1. Cuốn sách phù hợp với chủ đề, lứa tuổi HS |  |  |
| 2. Nêu được bố cục, nội dung chính |  |  |
| 3. Nêu được nhân vật, sự kiện nổi bật, chi tiết quan trọng |  |  |
| 4. Nêu được cảm nhận của bản thân và bài học rút ra |  |  |
| 5. Hình thức trình bày khoa học, sinh động, hấp dẫn |  |  |
| **GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chốt lại hoạt động**. |  | |
| **\* SAU GIỜ HỌC:** Hướng dẫn hs chuẩn bị nội dung cho tiết học sau:  Đọc cùng nhà phê bình  Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật  Đọc và trò chuyện cùng tác giả | | |

**Tiết 131:**

**THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN**

**CHINH PHỤC NHỮNG CUỐN SÁCH MỚI**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** tạo hứng thú, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập, định hướng nội dung học tập.

**b.** Nội dung:Giáo viên chiếu những hình ảnh bìa những cuốn sách hoặc tranh ảnh mô tả các văn bản. Học sinh quan sát và ghi tên các văn bản hoặc tên những cuốn sách ra giấy. Thông qua trò chơi này giáo viên sẽ nắm bắt được tình hình đọc sách của học sinh và khả năng ghi nhớ các tác phẩm.

c. Sản phẩm: Những kết quả trả lời của học sinh được ghi trên giấy.

d. Tổ chức thực hiện:Giáo viên tổ chức trò chơi: NHANH NHƯ CHỚP

+ Luật chơi: GV chiếu hình ảnh bìa các cuốn sách, truyện thuộc 9 chủ đề đã học trong chương trình. Trong thời gian 1 phút học sinh sẽ ghi tên các cuốn sách đó ra tờ giấy note. Hết giờ chơi, học sinh sẽ cùng đối chiếu với đáp án, chấm chéo theo bàn, bạn nào đưa ra nhiều đáp án đúng nhất sẽ giành được một phần quà.

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

+ Đọc lưu loát, diễn cảm các văn bản trong sách giáo khoa.

+ Biết đóng vài và sáng tạo cùng các tác phẩm đã học.

+ rèn năng lực hợp tác, tự nghiên cứu và thuyết trình.

**b. Nội dung**

- Giáo viên: + Tổ chức các hoạt động cá nhân và nhóm để giúp học sinh chinh phục những cuốn sách mới thông qua các hoạt động: Đọc cùng nhà phê bình, đọc và trải nghiệm cùng nhân vật, và tác giả.

+ Chuẩn bị các phiếu học tập

- Học sinh: + Đọc và nghiên cứu bài ở nhà

+ Chuẩn bị các phiếu học tập theo hướng dẫn của giáo viên

**c. Sản phẩm:** Các phiếu học tập, các clip, các đoạn văn của học sinh

**d.Tổ chức thực hiện**: Thông qua các hình thức hoạt động nhóm và cá nhân để hướng dẫn học sinh lĩnh hội tri thức

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung (dự kiến sản phẩm)** |
| **Hoạt động 1:** Đọc cùng nhà phê bình  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  + GV hướng dẫn HS đọc và chuẩn bị bài ở nhà, phát Phiếu học tập cho học sinh chuẩn bị trước khi lên lớp:   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP**  **“ĐỌC CÙNG NHÀ PHÊ BÌNH”** | | | *Vấn đề bàn luận trong tp là gì?* |  | | *Người viết đã nêu ý kiến gì về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tp?* |  | | *Lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ ý kiến về đặc điểm của tp “quê nội”* |  | | *Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm nd chính của vb nghị luận pt một tpvh* |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Gv gọi 2, 3 học sinh trình bày Phiếu học tập.  **Bước 3: Học sinh báo cáo kết quả**. Các học sinh khác theo dõi, lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ :** GV nhận xét, và chiếu PHT hoàn chỉnh của học sinh trên máy chiếu. | **I. Đọc cùng nhà phê bình**  **1. Đọc bài văn:**  *“Vẻ đẹp giản dị và chân thật của quê nội (Võ Quảng)”*  **- Vấn đề bàn luận trong tác phẩm *Quê nội* :**  + Nội dung của câu chuyện xảy ra trong những khung cảnh quê hương.  + Vai trò của nhân vật "tôi" trong tác phẩm.  **- Để bàn về vấn đề, người viết đã nêu những ý kiến về:**  + Nội dung của tác phẩm: hoàn cảnh đời sống trong tác phẩm, thế giới nhân vật.  + Nghệ thuật của tác phẩm: người kể chuyện, sức hấp dẫn của tác phẩm.  - **Những lí lẽ, dẫn chứng:**  . Lí lẽ: Nội dung câu chuyện xảy ra trong những khung cảnh quê hương.  . Bằng chứng:  + Không gian: nông thôn miền Trung, tại thôn Hòa Phước, bên con sông Thu Bồn.  + Thời gian: Vào những ngày rất mới mẻ - như một buổi tảng sáng - sau Cách mạng tháng Tám thành công.  + Nhân vật: Những người nông dân bình thường, mấy cô bác kèm luôn theo bên chân mấy chú nhóc hiếu động trong thôn, trong làng.  + Hoạt động: Vừa tự xây dựng chính quyền cách mạng địa phương vừa chuẩn bị chống giặc giữ làng.  . **Cách trình bày bằng chứng:** lần lượt nêu ra các bằng chứng theo chủ đề nhất định: không gian, thời gian, nhân vật, hoạt động.  - **Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm, nội dung chính của văn bản là mối quan hệ hai chiều.** Mục đích viết là cái để cho đặc điểm và nội dung chính của văn bản hướng đến; trong khi đặc điểm và nội dung chính của văn bản sẽ hiện thực hóa mục đích viết. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung (dự kiến sản phẩm)** |
| **Hoạt động 2: Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  ***(Nhiệm vụ này cần được giao trước, thời gian trên lớp chỉ dành để hs báo cáo).***  *GV cho hs làm việc theo nhóm, đóng vai cuộc gặp gỡ của phóng viên với một nhân vật được yêu thích trong một tác phẩm đã đọc và phỏng vấn về nhân vật đó.*  **GV cho học sinh đăng kí:**  + Tác phẩm.  + Nhân vật phóng vấn và nhân vật được phỏng vấn.  + Danh sách các bạn đóng vai phóng viên, nhân vật.  **chú ý:**  + chọn cách xưng hô phù hợp  + có ít nhất 6 câu hỏi trong cuộc phỏng vấn  + Tham khảo các câu hỏi sau:   |  | | --- | | *Câu 1.Bạn có thể giới thiệu về bản thân?*  *Câu 2. Bạn có sở thích, tính cách hay đặc điểm gì nổi bật?*  *Câu 3. Để kể về cuộc đời mình, bạn muốn nói điều gì nhất?*  *Câu 4. Ai hay điều gì khiến bạn quan tâm nhất?*  *Câu 5. Nếu sống tiếp cuộc đời không chỉ trong trang sách, điều bạn muốn nhất sẽ làm là gì?*  *Câu 6. Bạn muốn gửi gắm điều gì tới các bạn học sinh qua buổi trò chuyện ngày hôm nay?* |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc theo nhóm (chuẩn bị ở nhà), quay video đoạn phỏng vấn gửi cho Giáo viên.  - GV chọn 3 cuộc phỏng vấn theo tiêu chí: tốt, khá, đạt để học sinh trình bày trước lớp.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí đánh giá** | | | | |  | **- Người phóng vấn** | **Nhân vật được phỏng vấn** | **Cách thức thể hiện** | | Phỏng vấn tốt | - Người phóng vấn thể hiện các năng lực nói của mình tốt, các câu hỏi phù hợp, nội dung phong phú bộc lộ được đặc điểm của nhân vật được hỏi | - Trả lời lưu loát tự tin,  - Đưa được các thông tin về nhân vật | - Clip quay rõ tiếng, hình ảnh đẹp, khung cảnh phóng vấn phù hợp, các diễn viên vào vai tốt | | Phỏng vấn khá | - Người phóng vấn còn chưa tự nhiên  - Các câu hỏi còn đơn giản, | - Người trả lời còn rụt rè, chưa được tự nhiên | Clip quay rõ tiếng rõ hình ảnh, các diễn viên vào vai còn ngượng ngạo | | Phỏng vấn đạt | - Người phỏng vấn còn thiếu các kĩ năng , còn rụt rè nhút nhát  - Các câu hỏi chưa khai thác được hết các đặc điểm của nhân vật | - Người trả lời còn ngượng ngùng chưa nói rõ được đặc điểm của nhân vật | Clip quay rõ tiếng rõ hình ảnh, các diễn viên vào vai còn rụt rè | |  |  |  |  |   **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  đại diện các nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét: đưa ra 3 lời khen, 2 góp ý và 1 lời đề nghị cho lần sau.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:** GV nhận tổng hợp ý kiến đánh giá, nhận xét của học sinh. | **II. Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 3: Đọc và trò chuyện cùng tác giả**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  GV chia lớp thành 4 nhóm, đọc vb “Mon và Mên đang ở đâu”, thảo luận nhóm trong 3 phút hoàn thành phiếu bài tập theo kĩ thuật: 5W1H  *a. Mon và Mên là ai trong mối quan hệ với nhà văn – tác giả truyện ngắn Bầy chim chìa vôi? (Who)*  *b. Theo em, vì sao nhà văn khẳng định rằng “tất cả lũ trẻ làng chú đều thức để lắng nghe tiếng mưa, cùng nghĩ về bãi sông và lo cho bầy chim chìa vôi non”? (Why)*  *c. Cậu bé - người “phỏng vấn" tác giả - ngạc nhiên vì điều gì? (What)*  *d. Ngoài Mon và Mên, ai là người có trải nghiệm và kỉ niệm sâu sắc về đêm mưa, bãi sông và bầy chim chìa vôi? (How)*  *e. Mon và Mên đang ở đâu? Bầy chim chìa vôi đã bay đi đâu? (Where - When)*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS chia nhóm và thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  Các nhóm cử đại diện trình bày. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét | **III. Đọc và trò chuyện cùng tác giả**  **1. Bài thuật lại cuộc phỏng vấn của độc giả nhỏ tuổi với nhà văn**  **a.** Mon và Mên là bạn cùng lứa tuổi với nhà văn - tác giả truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi.*  **b.** Nhà văn khẳng định rằng “tất cả lũ trẻ làng chú đều thức để lắng nghe tiếng mưa, cùng nghĩ về bãi sông và lo cho bầy chim chìa vôi non” vì:  lũ chim non là điều bọn trẻ quan tâm nhất lúc đó  **c.** Cậu bé - người “phỏng vấn" tác giả - ngạc nhiên vì tác giả biết được trong đêm mưa, Mon và Mên đã lo nghĩ cho bầy chìa vôi. Cậu bé cho rằng tác giả đã ở cùng Mon và Mên trong đêm hôm đó, hỏi tại sao tác giả không đi cùng Mon, Mên và ngăn cản họ vì họ mới chỉ là trẻ con, cần phải có người lớn đi cùng.  **d.** Ngoài Mon và Mên, lũ trẻ trong làng (bao gồm cả tác giả lúc đó) là người có trải nghiệm và kỉ niệm sâu sắc về đêm mưa, bãi sông và bầy chim chìa vôi.  **e.**  - Mon và Mên vẫn ở trong kí ức của nhà văn và độc giả.  - Bầy chim chìa vôi đã bay đến nơi rất xa, nơi thiên nhiên không bị tàn phá, nơi mà chúng có thể sinh sống. |

**HOẠT ĐỘNG 3. VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC**

**a. Mục tiêu:**

**+** Viết được đoạn văn cảm nhận về một nhân vật mà em yêu thích.

+ Năng lực: cảm thụ các tác phẩm văn học.

**b. Nội dung:** học sinh viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu.Nêu được cảm nhận của mình về một nhân vật mà em yêu thích.

c**. Sản phẩm:** Các đoạn văn cảm nhận của học sinh.

d**. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên cho học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân trong khoảng 4 phút.

**+ Tiêu chí đánh giá đoạn văn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | | |
| **1** | Dung lượng, cấu trúc đoạn văn. | 1.0 đ |
| **2** | Diễn đạt mạch lạc, không sai lỗi chính tả, ngữ pháp; tình cảm trong sáng, lành mạnh. | 2.0 đ |
| **3** | Giới thiệu khái quát về nhân vật trong tác phẩm. | 3.0 đ |
| **4** | Nêu được cảm nhận của mình về nhân vật. | 4.0 đ |

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

+Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng, đã học trong tiết học vào cuộc sống thực tiễn.

+ Năng lực: sáng tạo và thuyết trình.

**b. Nội dung**

- Giáo viên: Tổ chức cho học sinh chia sẻ những cuốn sách mà mình yêu thích

- Học sinh: Thuyết trình, làm sản phẩm sáng tạo ở nhà theo nhóm 4 học sinh hoặc làm việc cá nhân, chia sẻ và giới thiệu cho bạn những cuốn sách hay.

+ Đọc cho các bạn nghe về những cuốn sách yêu thích.

**c. Sản phẩm**: Các clip, tranh vẽ, những bản thuyết trình về những cuốn sách học sinh yêu thích.

**d.** **Tổ chức hoạt động:** + **ĐỌC SÁCH CÙNG BẠN:** Học sinh giới thiệu với bạn về cuốn sách em yêu thích bằng một trong các hình thức: quay video clip, vẽ tranh, đóng kịch.....

+ **ĐẠI SỨ VĂN HÓA ĐỌC**: Học sinh chọn một phần nội dung trong cuốn sách mà em yêu thích, đọc cho cả lớp cùng nghe.

**DẶN DÒ**

- HS hoàn thành bài viết và chuẩn bị phần ĐỌC SÁCH CÙNG BẠN, ĐẠI SỨ VĂN HÓA ĐỌC để chuẩn bị cho tiết học sau.

- Chuẩn bị: Thách thức thứ hai: Từ ý tưởng đến sản phẩm.

+ Chuẩn bị Thể hiện nội dung của một câu chuyện em yêu thích theo hình thức truyện tranh

+ Kể lại một câu chuyện theo hình thức thơ.

**Tiết 132:**

**THÁCH THỨC THỨ HAI: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN SẢN PHẨM**

**I. Mục tiêu cầu đạt:**

**1. Kiến thức**

- HS phát huy năng lực, sở trường của bản thân trong việc lựa chọn 1 trong 3 họat động đã được gợi ý trong SHS và hoàn thành:

+ Tóm tắt một câu chuyện theo hình thức truyện tranh

+ Kể lại câu chuyện đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc thơ năm chữ.

+ Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học em yêu thích trong cuốn sách đã đọc.

**-** HS xác định được nhân vật yêu thích mà cuốn sách gợi ra, biết liên hệ thực tế và biết đánh giá, nhận xét về nhân vật ấy.

- Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực cảm thụ thẩm mĩ…

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực nhận diện nhan vật từ những cuốn sách đã đọc và từ thực tế cuộc sống.

- Năng lực viết đoạn văn, bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc.

- Năng lực thể hiện quan điểm cá nhân trước một nhân vật văn học.

**3. Phẩm chất**

Qua bài học, giúp học sinh hình thành và phát triển được những phẩm chất tốt đẹp: Yêu sách, thích đọc sách, yêu cuộc sống; làm việc có trách nhiệm; trung thực trong học tập cũng như trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu**: Phát huy năng lực, sở trường và tạo hứng thú cho HS để các em lựa chọn được hình thức xây dựng sản phẩm | | |
| **Tổ chức hoạt động** | **Hoạt động của học sinh** | **Kết quả/ Sản phẩm học tập** |
| - GV chiếu 3 hoạt động tương ứng với 3 hoạt động trong SHS cho HS lựa chọn đề tài để tạo các sản phẩm sáng tạo:    - Hướng dẫn HS tìm hiểu các sản phẩm này và viết, vẽ sáng tạo nhằm xây dựng sản phẩm phù hơp với năng lực, sở trường của mình.  - GV mời một vài HS chia sẻ lựa chọn, yêu cầu cả lớp lắng nghe và bổ sung.  - Gv tuyên dương, động viên các nhóm, dẫn dắt vào bài học: | *+ Thể hiện nội dung tóm tắt của một câu chuyện theo hình thức truyện tranh.*  *+ Kể lại câu chuyện em đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc năm chữ.*  *+ Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học mà em yêu thích (trong cuốn sách đã đọc*  - HS nghe GV nêu yêu cầu và lựa chọn hoạt động phù hợp với bản thân mình. |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Mục tiêu**: Phát huy năng lực, sở trường và tạo hứng thú cho HS để các em lựa chọn được hình thức xây dựng sản phẩm, hài hòa giữa yêu cầu phát triển năng lực sáng tạo, thẩm mĩ và các mục tiêu giáo dục khác.  **1. Tóm tắt một câu chuyện theo hình thức truyện tranh** | | |
| - GV hướng dẫn HS tìm hiểu sản phẩm truyện tranh chuyển thể minh họa trong SHS trang 110-111  - GV nhắc HS chú ý sự phù hợp giữa hình ảnh và ngôn ngữ (ở dạng đối thoại)  - GV hướng dẫn HS tổ chức hoạt động viết và vẽ minh họa. GV hướng dẫn HS viết VB tóm tắt câu chuyện.  - GV chú ý nhắc HS cần tham khảo các truyện tranh phù hợp với lứa tuổi và sản phẩm trong SHS để có thể tự xây dựng truyện tranh đơn giản, thú vị gắn với những chủ đề và các tác phẩm đã học, đã đọc.  - GV chọn một vài sản phẩm tiêu biểu nhất lên trình bày trước lớp,  - GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS có ý thức hoàn thành sản phẩm tốt. | - HS tìm hiểu sản phẩm truyện tranh chuyển thể minh họa trong SHS.  - HS làm việc cá nhân để tóm tắt VB  - HS làm việc theo nhóm để xây dựng sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa nội dung cần tóm tắt bằng lời và hình thức cần thể hiện trong tranh.  - HS làm việc theo nhóm để vẽ tranh và sử dụng lời dẫn, lời thoại phù hợp.  - Trình bày sản phẩm trước nhóm. HS còn lại lắng nghe, nhận xét và đánh giá. | Sản phẩm viết, vẽ sáng tạo… phẩm phù hơp với năng lực, sở trường của HS. |
| **2: Kể lại một câu chuyện đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc năm ch**  **Mục tiêu:** HS phát huy sở trường, năng khiếu nghệ thuật của bản thân chuyển thể phần tóm tắt thành bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. | | |
| - GV hướng dẫn HS tìm hiểu sản phẩm sáng tạo của các bạn HS được đưa vào minh họa cho phần này.  - GV hướng dẫn HS tổ chức hoạt động viết:  - GV hướng dẫn HS dành thời gian chuẩn bị sản phẩm này ở nhà (do đặc thù của việc sáng tạo: làm thơ, vẽ tranh minh họa).  - GV mời một vài HS trình bày sản phẩm của mình trước lớp nếu HS đã hoàn thành và chuẩn bị trước, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  => GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương những sản phẩm sánh tạo. | - HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.  - HS tóm tắt câu chuyện một cách súc tích bằng lời văn.  - HS phát huy sở trường, năng khiếu để chuyển thể phần tóm tắt thành bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. | Sản phẩm sáng tạo của HS:  Tóm tắt truyện *Gió lạnh đầu mùa* bằng thơ năm chữ: tìm hiểu cả phần lời và phần minh họa hình ảnh. |

**CỦNG CỐ - DĂN DÒ:**

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng quy định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học tiếp theo.

**Tiết 133:**

**THÁCH THỨC THỨ HAI: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN SẢN PHẨM ( TT)**

**I. Mục tiêu cầu đạt:**

**1. Kiến thức**

**-** HS xác định được nhân vật yêu thích mà cuốn sách gợi ra, biết liên hệ thực tế và biết đánh giá, nhận xét về nhân vật ấy.

- HS nắm được yêu cầu đối với bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc.

- Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực cảm thụ thẩm mĩ…

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực nhận diện nhan vật từ những cuốn sách đã đọc và từ thực tế cuộc sống.

- Năng lực viết đoạn văn, bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc.

- Năng lực thể hiện quan điểm cá nhân trước một nhân vật văn học.

**3. Phẩm chất**

Qua bài học, giúp học sinh hình thành và phát triển được những phẩm chất tốt đẹp: Yêu sách, thích đọc sách, yêu cuộc sống; làm việc có trách nhiệm; trung thực trong học tập cũng như trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án; bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**PHIẾU TÌM Ý**

Họ và tên HS: ………………………….Lớp

|  |  |
| --- | --- |
| Nhân vật đó là ai, trong tác phẩm nào, cuốn sách nào, nhân vật đó xuất hiện trong hoàn cảnh nào? |  |
| Điều gì khiến em yêu thích và lựa chọn nhân vật này? |  |
| Nhân vật đó có những đặc điểm gì dựa trên những bằng chứng trong tác phẩm ? Đặc điểm đó cho thấy điều gì về phẩm chất của nhân vật? |  |
| + Nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn có gì đặc sắc? |  |
| + Nhân vật ấy gợi cho em những suy nghĩ và rút ra bài học gì? |  |

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu**: Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập, định hướng nội dung học tập  HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học. | | |
| **Tổ chức hoạt động** | **Hoạt động của HS** | **Kết quả/ Sản phẩm học tập** |
| GV tổ chức:  - Chia lớp thành ba nhóm, cho HS chơi trò chơi tiếp sức (3 phút)  ***? Em hãy kể tên những nhân vật được gợi ra từ những cuốn sách mà em đã đọc?***  -GV cùng HS đánh giá kết quả làm việc của mỗi nhóm.  - GV tuyên dương, động viên các nhóm. | - HS lên bảng trình bày theo cột của nhóm mình. | - Những nhân vật văn học mà em biết  - Những nhân vật văn học em yêu thích |
| *=> Từ những nhân vật trong các cuốn sách đã học đã được gợi ra, giáo viên dẫn vào bài mới.* | | |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Hoạt động 2.1: Yêu câu đối với bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc**  **Mục tiêu:** HS nêu được yêu cầu của bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc | | |
| **Tổ chức hoạt động** | **Hoạt động của HS** | **Kết quả/ Sản phẩm học tập** |
| - GV gọi HS nhắc lại yêu cầu của bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc  - GV đánh giá, kết luận, chốt kiến thức. | - HS thảo luận bàn.  -HS trình bày cá nhân | **\* Yêu cầu**  - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học  - Chỉ ra được tính cách, đặc điểm nhân vật qua các chi tiết.  - Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật.  - Ý nghĩa của hình tượng nhân vật. |
| **Hoạt động 2.2: Phân tích bài viết tham khảo: Hoàng tử bé: Trò chuyện để thấu hiểu và yêu thương.**  **Mục tiêu:** HS đọc bài tham khảo, nắm vững hơn các nội dung cơ bản trong bài phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc. | | |
| - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và trả lời câu hỏi:  ? Nhân vật được nói đến trong bài viết là ai, trong tác phẩm nào, tác giả. Dựa vào chi tiết nào em biết được điều đó?  ? Nhận xét về nghệ thuật miêu tả nhân vật.  ? Nhận xét về tính cách, đặc điểm khái quát của nhân vật. Để làm rõ đặc điểm của nhân vật người viết phải dựa vào bằng chứng nào trong tác phẩm  ?Nêu ý nghĩa của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.  => GV đánh giá, kết luận, chốt kiến thức. | - HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi -> Gv theo dõi, hỗ trợ  -HS trình bày, nhận xét, bổ sung.  \* Dự kiến câu trả lời của HS:  + Phương án 1  + Phươngn án 2  …. | **\*** *Giới thiệu nhân vật:* Hoàng tử bé, nhân vật của nhà văn Ăng- toan- đơ..  *\* Nghệ thuật xây dựng nhân vật:*Bằng 1 bức vẽ minh hoạ trong tác phẩm…..  *\* Đặc điểm , tính cách của nhân vât*  **+** Hoàng tử bé được miêu tả như là “một cậu bé thật khác thường”  **+** Luôn cố gắng để trò chuyện với tất cả mọi người  + Không ngừng hành trình kiếm tìm những cuộc trò chuyện để có thể lắng nghe, thì thầm chia sẻ…  *\* Khằng định ý nghĩa của hình tượng nhân vật hoàng tử bé trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm* |
| **Hoạt động 2.3: Thực hành viết bài theo các bước**  **Mục tiêu:** HS nắm được các bước viết bài. | | |
| GV yêu cầu HS nhắc lại các bước viết bài.  - GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu tìm ý  => GV đánh giá, kết luận, chốt kiến thức. | - HS thảo luận bàn.  - Xác định nhân vật yêu thích từ cuốn sách (văn bản) gợi ra (thông qua các chi tiết, câu văn, sự việc, đoạn văn cụ thể):  -HS trình bày kết quả PHT | **1. Trước khi viết bài**  *\* Lựa chọn đê tài:*Xác định được nhân vật yêu thích để làm rõ những đặc điểm đáng chú ý của nhân vật**.**  *\* Tìm ý*  - Xác định nhân vật yêu thích từ cuốn sách (văn bản) gợi ra (thông qua các chi tiết, câu văn, sự việc, đoạn văn cụ thể)  - Tìm ý:  *\* Lập dàn ý:*  - MB: Giới thiệu nhân vật nêu ấn tượng ban đầu của em về nhân vật  - TB:  + Hoàn cảnh và những mối quan hệ làm nổi bật đặc điểm nhân vật.  + Đặc điểm nổi bật  + Nghệ thuật  + Ý nghĩa.  - KB: Bài học, suy nghĩ, ấn tượng mà nhân vật để lại. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** HS thực hành viết bài  ***Đề bài*:** *Hãy viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách em đã đọc* | | |
| **-** GV chia nhóm cho HS viết phần mở bài, kết bài và một đoạn trong phần thân bài theo dàn ý đã chuẩn bị ở phần 1  - HS có thể làm việc cá nhân.  - Trong quá trình HS viết bài, GV quan sát, nhắc HS dành thời gian đọc lại và sửa lỗi trước khi nộp bài, khuyến khích những bài viết sáng tạo  - GV cho hs làm việc nhóm nhận xét một bài viết của nhóm khác dựa trên các tiêu chí đánh giá  GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết:cách lựa chọn nhận vật để phân tích; kiểu bài, bố cục, cách diễn đạt: dùng từ, đặt câu, trình bày bài | - HS ghi đề vào giấy/vở và làm bài.  ( CÓ HẠN ĐỊNH DUNG LƯỢNG, THỜI GIAN)  - HS làm việc nhóm, đọc và nhận xét  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết dựa trên tiêu chí: | **2. Viết bài**  **3. Chỉnh sửa bài viết**  \* Đọc bài viết hay nhất của HS |

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí ĐG** | **Tổng điểm** | **Mức độ** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Bố cục | 1 điểm | - Đủ 3 phần | - Có 2 phần (mở bài-thân bài, hoặc thân bài, kết bài) | - Chỉ có thân bài |
| 1 điểm | 0,75 điểm | 0,5 điểm |
| Trình bày | 0,5 điểm | - Rõ ràng sạch đẹp | - Tương đối sạch đẹp | - Gạch xóa nhiều, chữ viết không rõ ràng |
| 0,5 điểm | 0,25 điểm | 0 |
| Sáng tạo | 1 điểm | - Bài viết sáng tạo mới mẻ, độc đáo | - Bài viết có chỗ sáng tạo | - Không sáng tạo |
| 1 điểm | 0,5 điểm | 0 |
| Nội dung | 7,5 điểm | - Nội dung tiêu biểu, đầy đủ, chính xác  ( Chọn nv tiêu biểu, luận điểm rõ ràng, lí lẽ, dẫn chứng hợp lí, hấp dẫn) | - Nội dung đủ, luận điểm rõ ràng nhưng phân tích chưa sâu, (dẫn chứng còn ít) | - Nội dung sơ sài, luận điểm chưa đầy đủ, dẫn chứng rất ít chưa làm nổi bật đặc điểm nhân vật, |
| 7,5 điểm | 5,5 điểm | 4 điểm |
| 8,5 – 10,0 đ | 6 - 8 | Từ dưới 5 |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để tiếp tục sáng tạo, giải quyết vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.  ? Tìm hiểu những nhân vật khác trong các tác phẩm. Viết đoạn văn trình bày ý kiến của mình và lí giải.  - GV giao nhiệm vụ cho HS.  - HS làm bài ở nhà.  - GV kiểm tra sản phẩm của HS vào tiết học sau.  **\* Chuẩn bị cho tiết học sau:**  - Chuẩn bị cây đọc sách của nhóm, lớp.  - Nhật kí đọc sách của cá nhân.  - Các cuốn sách đã đọc trong dự án.  - Bài giới thiệu sách của cá nhân, tập san của nhóm, lớp; | | | | |

Tiết: 134, 135,136

**ÔN TẬP HỌC KÌ II NGỮ VĂN 7**

**Thời gian thực hiện: 3 tiết**

----------------

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

***a. Đọc hiểu:***

Thống kê ra vở tên các thể loại, kiểu văn bản và tên văn bản cụ thể đã học trong sách Ngữ văn 7, tập 1

- Tổng hợp kiến thức về các thể loại: Truyện ngụ ngôn;Tục ngữ; Truyện viễn tưởng và nghị luận xã hội đã học trong sách giáo khoa ngữ văn 7 tập 2.

- Nêu những điều cần chú ý về cách đọc truyện (truyện ngụ ngôn), truyện (truyện viễn tưởng) và văn bản nghị luận (nghị luận xã hội).

***b.Viết:***

- Thống kê tên các kiểu văn bản và yêu cầu luyện viết các kiểu văn bản đó trong sách giáo khoa ngữ văn 7 tập 2.

- Các bước tiến hành viết một văn bản, chỉ ra nhiệm vụ của mỗi bước.

- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)

Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử

***c. Tiếng Việt:*** Hiểu và sử dụng hiệu quả kiến thức Tiếng Việt về: Nói quá; Thuật ngữ;Tác dụng của dấu chấm lửng; Liên kết và mạch lạc trong văn bản.

**2. Năng lực:**

*-* Tìm hiểu các thông tin về kiến thức cơ bản và chuẩn bị bài ở nhà.

*-*Có cảm xúc với cái đẹp của nhận vật, nghệ thuật, nội dung tác phẩm truyện, thơ.

-Đọc diễn cảm tác phẩm truyện, biết xác định ngôi kể và dùng lời văn của mình để kể lại một truyện ngụ ngôn.

-Lắng nghe và chia sẽ ý kiến liên quan đến bài học.

Có vai trò, trách nhiệm cao trong hoạt động nhóm ứng với công việc cụ thể .

**3. Phẩm chất:**

**Góp phần giúp HS:**

-Biết sống nhân ái, yêu thương gia đình, quí trọng bản thân, yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên.

**-** Có ý thức tìm hiểu và gìn giữ các truyền thống tốt đẹp của dân tộc qua môn học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Phương tiện:**

- Xây dựng kế hoạch bài học. -Tiêu chí đánh giá hoạt động học tập.

- Phiếu học tập. - Tư liệu, hình ảnh phục vụ học tập.

**2. Phương pháp, hình thức dạy học**

-Thuyết trình, vấn đáp, đàm thoại, hoạt động nhóm, ...

**C.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Ôn tập đọc hiểu văn bản**

**a.Mục tiêu: Sau hoạt động này, HS có thể:**

- Tổng hợp kiến thức về các thể loại, kiểu văn bản và tên văn bản cụ thể đã học trong sách giáo khoa ngữ văn 7 tập 2.

- Nêu nội dung chính của các văn bản đọc hiểu trong sách giáo khoa ngữ văn 7 tập 2.

- Nêu những điều cần chú ý về cách đọc truyện (truyện ngụ ngôn), truyện (truyện viễn tưởng) và văn bản nghị luận (nghị luận xã hội).

**b. Nội dung:** Kiến thức về các kiểu văn bản đã học.

**c. Sản phẩm:**

**-**Vở ghi

- Phiếu học tập

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập các thể loại văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhiệm vụ 1:HS làm việc nhóm, lập bảng hệ thống hoá các văn bản đã học.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Tên văn bản** | **Đặc điểm nội dung** | **Đặc điểm hình thức** | **Tên văn bản hoặc nhóm văn bản đã học** | |  |  |  |  |  |   \*Nhiệm vụ 2: HS làm việc nhóm, lập bảng hệ thống hoá các điểm cần lưu ý khi đọc thể loại   |  |  | | --- | --- | | **Thể loại** | **Điều cần lưu ý khi đọc thể loại** | |  |  | |  |  | |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ trong nhóm  - GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm và ý tưởng.  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV tổng hợp, kết luận | | **1. Kiến thức văn bản:** |
| **a/ Hệ thống hoá văn bản:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Tên văn bản** | **Đặc điểm nội dung** | **Đặc điểm hình thức** | **Tên văn bản hoặc nhóm văn bản đã học** | | 1 | Truyện ngụ ngôn | Khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống. | Tự sự cỡ nhỏ  Lối diễn đạt ám chỉ, ẩn dụ | - Đẽo cày giữa đường  - Ếch ngồi đáy giếng | | 2 | Tục ngữ | thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt (tự nhiên, lao động, sản xuất, xã hội) được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ lời ăn tiếng nói hằng ngày. | những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, | Tục ngữ về lao động sản xuất, con người… | | 3 | Truyện khoa học viễn tưởng | Viết về thế giới tương lai dựa trên sự phát triển của khoa học dự đoán. | - Thường có tính chất li kì.  - Sử dụng cách viết lô-gíc | Cuộc chạm trán trên đại dương  - Đường vào vũ trụ | | 4 | Văn bản nghị luận | Vấn đề mà văn bản nghị luận hướng tới | Bố cục chặt chẽ  Lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục | Tấm bản đồ dẫn đường  Hãy cầm lấy và đọc | | 5 | Văn bản thông tin | cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản | cước chú, tài liệu tham khảo | Thủy tiên tháng Một  Lễ rửa làng của người Lô Lô |   **b. Cách đọc thể loại:**   |  |  | | --- | --- | | **Thể loại** | **Điều cần lưu ý khi đọc thể loại** | | Truyện ngụ ngôn | - Về cốt truyện: Nắm được cốt truyện và ý nghĩa của truyện.  -Nhân vật trong truyện và nhân vật chính là ai?  -Bối cảnh của truyện có gì độc đáo?  - Phát hiện bài học cuộc sống mà truyện muốn thể hiện.  -Rút ra bài học cho bản thân từ câu chuyện. | | Tục ngữ | -Tìm và giải nghĩa các từ ngữ khó (nghĩa đen, nghĩa bóng) từ đó hiểu nội dung,ý nghĩa chung của câu tục ngữ.  -Nhận biết được những yếu tố hình thức (số lượng chữ, vần, nhịp, biện pháp tu từ…)của tục ngữ và tác dụng của các yếu tố đó. | | Truyện viễn tưởng | - Các chi tiết thể hiện sự hư cấu dựa trên thành tựu khoa học kĩ thuật.  - Cốt truyện gắn với sự kiện khoa học và công nghệ, với những sự kiện “đi trước thời gian”  - Nhân vật là những nhà thông thái  - Bối cảnh gắn với đề tài của truyện | | Văn bản nghị luận xã hội | -Văn bản viết về vấn đề gì của đời sống xã hội?  - Nhan đề thường cho biết nội dung, đề tài của bài viết.  -Mục đích của văn bản này là để khen(ca ngợi)hay chê(phê phán)về một vấn đề trong đời sống,xã hội.  -Các ý kiến, dẫn chứng,lí lẽ đưa ra phải rõ ràng,thiết thực,có độ tin cậy và có sức thuyết phục người đọc người nghe.  - Vấn đề bài viết nêu lên có liên quan gì đến cuộc sống hiện nay và với bản thân? | | | |
| **Hoạt động 2: Ôn tập kỹ năng viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*Nhiệm vụ 1:** Thống kê tên các kiểu văn bản và yêu cầu luyện viết các kiểu văn bản đó trong  sách Ngữ văn 7(tập 2)  **\*Nhiệm vụ 2:**Nêu các bước tiến hành một văn bản, chỉ ra nhiệm vụ của mỗi bước:   |  |  | | --- | --- | | **Thứ tự các bước** | **Nhiệm vụ cụ thể** | | Bước 1: Chuẩn bị |  | | Bước 2:Tìm ý và lập dàn ý |  | | Bước 3: Viết |  | | Bước 4: Kiểm tra |  |   **\*Nhiệm vụ 3:** Tập viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Chia lớp thành 3 hoặc 6 nhóm, giao nhiệm vụ 1, 2, 3.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm và ý tưởng.  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV tổng hợp, kết luận  **1.Các kiểu văn bản và yêu cầu luyện viết:**  -Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật.  -Viết bài văn kể lại một truyện ngụ ngôn.  - Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc một bài thơ.  - Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.  **2.Các bước tiến hành viết một văn bản:**   |  |  | | --- | --- | | **Thứ tự các bước** | **Nhiệm vụ cụ thể** | | Bước 1: Chuẩn bị | - Thu thập, lựa chọn tư liệu và thông tin về vấn đề sẽ viết. | | Bước 2:Tìm ý và lập dàn ý | - Tìm ý cho bài viết và phát triển các ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi, sắp xếp các ý có một bố cục rành mạch, hợp lí.  - Lập dàn bài ( có thể bằng sơ đồ tư duy) đầy đủ 3 bước: Mở bài, thân bài, kết bài. | | Bước 3: Viết | -Diễn đạt các ý đã ghi trong bố cục thành những câu, đoạn văn chính xác, trong sáng, có mạch lạc và liên kết chặt chẽ với nhau. | | Bước 4: Kiểm tra | Kiểm tra lại văn bản để xem có đạt các yêu cầu đã nêu chưa và cần sữa chữa gì không. | | **2. Viết – Nói và nghe**  **a.Các kiểu văn bản và yêu cầu luyện viết:**  -Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật.  - Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc một bài thơ.  - Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.  **b.Các bước tiến hành viết một văn bản:**  - Chuẩn bị  - Tìm ý và lập dàn ý  - Viết  - Kiểm tra và chỉnh sửa  **c. Nội dung rèn nói và nghe:**  -Viết bài văn kể lại một truyện ngụ ngôn.  -Trao đổi về một vấn đề  - Thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống | |
| **Hoạt động 3: Ôn tập kiến thức tiếng Việt**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Liệt kê các nội dung tiếng Việt được học thành mục riêng trong SGK Ngữ văn 7 tập 2.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, xung phong trả lời câu hỏi.  -Nêu khái niệm: Nói quá?Lấy ví dụ.  - Nêu khái niệm:  +Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh?Lấy VD ?(Tham khảo thêm VD bài 7 SGK/21,22)  +Dấu chám lửngLấy VD? ?(Tham khảo thêm VD bài 7 SGK/21,22)  - Nêu khái niệm:Liên kết và mạch lạc trong văn bản? ?(Tham khảo thêm VD bài 8 SGK/36)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Tổ chức cho HS trình bày, thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV tổng hợp, kết luận | **3. Kiến thức tiếng Việt**  \*Bài 6: Thành ngữ.  Tổ hợp từ có cấu tạo chặt chẽ, có ý nghĩa hàm súc mang tính hình tượng  \*Bài 6: Nói quá  -Nói quá(khoa trương):Là biện pháp tu từ dùng cách phóng đại mức độ,tính chất của sự vật,hiện tượng được miêu tả nhằm gây ấn tượng,tăng sức biểu cảm.  VD:Rán sành ra mỡ;Vắt cổ chày ra nước…  - Bài 7, Bài 8: Mạch lạc và liên kết  Liên kết và mạch lạc trong văn bản  -Liên kết là sự thể hiện mối quan hệ về nội dung giữa các câu,các đoạn,các phần của văn bản bằng phương tiện ngôn ngữ thích hợp  -Mạch lạc là sự thống nhất về chủ đề và tính loogic của văn bản.Một văn bản được coi là có tính mạch lạc khi các phàn các đọan,các câu của văn bản đều nói về một chủ đề vsf được sắp xếp theo một trình tự hợp lý.   * Bài 7 Bài 8: * +Dấu châm lửng là dấu câu gồm ba dấu chấm liền nhau.Có tác dụng: Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết;Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng;Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện **của** một từ ngữ biểu thị nội **dung** bất ngờ hay hài hước, châm biếm.   \* Bài 8: Thuật ngữ  Từ ngữ được sử dụng trong các chuyên ngành chuyên môn | |

**Dặn dò:**

Ôn tập theo nội dung của giờ học

**Tiết 137, 138**

**KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC KÌ II**

**(Theo đề chung của từng trường)**

**ĐỀ MINH HỌA**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

Thời gian làm bài: 90 phút

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Nghị luận xã hội/ Nghị luận văn học | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng số câu** | | | **3** | **1\*** | **5** | **1\*** | **0** | **3\*** | **0** | **1\*** | **11** |
| **Tổng điểm** | | | ***1.5*** | ***0.5*** | ***2.5*** | ***1.5*** | ***0*** | ***3.0*** | ***0*** | ***1*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | | **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

Thời gian làm bài: 90 phút

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Nghị luận văn học | **Nhận biết:**  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.(1)  **-** Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.(2)  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). (3)  **Thông hiểu:**  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.(4)  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng. (5)  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm của văn bản với mục đích của nó.(6)  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. (7)  **Vận dụng**:  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. (8)  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. (9) | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống | Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết, đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.  **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận.  - Xác định được vấn đề trong đời sống cần nghị luận.  - Sắp xếp bố cục của bài văn nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được những biểu hiện của vấn đề đời sống; đưa ra được lí lẽ rõ ràng, bằng chứng đa dạng.  - Trình bày, phân tích rõ các khía cạnh của vấn đề: thực trạng, nguyên nhân, các mặt lợi/ hại; đúng/ sai,…  **Vận dụng:**  - Vận dụng được các kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận để viết bài văn nghị luận về vấn đề đời sống.  - Trình bày được quan điểm, ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lời khuyên nhủ hoặc đề xuất quan niệm, cách ứng xử hợp lí với hiện tượng xã hội…  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng ngôn từ sáng tạo, linh hoạt khi lập luận.  - Có sáng tạo riêng trong cách diễn đạt, lập luận làm cho lời văn hấp dẫn, giàu sức thuyết phục. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

1. **ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu bên dưới.**

*Mỗi lần hái được rau khúc về, bà tôi lấy nước mưa trong bể rửa sạch rau khúc và để cho thật ráo nước mới cho vào cối giã. Bà tôi giã rau khúc cho đến khi nhuyễn và dẻo như người ta giã giò. Sau đó bà tôi mới trộn rau khúc đã giã với bột nếp và nhào cho thật nhuyễn. Mỗi khi bà tôi nhào bột bánh xong, tôi cũng cúi rạp xuống ghé sát mũi vào cối bột bánh và hít thật sâu. Cho dù vẫn chỉ là bột sống nhưng hương vị bánh khúc đã dâng lên làm tôi ứa đầy nước miếng. Những lúc như thế, tôi lại giục bà đồ bánh khúc. Nhưng bà tôi không bao giờ đồ bánh ngay. Bà tôi cứ để cối bột đã nhào kĩ chừng hơn một tiếng mới bắt đầu nặn bánh. Ngày xưa, chả mấy khi có thịt làm nhân bánh như bây giờ. Bà tôi chỉ dùng một ít nước mỡ trộn với đậu xanh mà quê tôi gọi là đậu tằm được thổi chín và giã nhuyễn cùng với hành lá làm nhân. Thi thoảng mua được mấy lạng mỡ phần thì bà tôi mới thái một ít để làm nhân bánh. Những miếng mỡ thái hạt lựu béo ngậy đến mê người. Khi ăn một chiếc bánh khúc như thế, tôi cứ nhai mãi mà không muốn nuốt. Cái béo của mỡ lợn, cái bùi của đậu và vị ngọt ngào của bột nếp và hương rau khúc làm nên một món ăn dân dã ngon lạ thường. Khi đồ bánh, bà tôi phủ một lớp rau khúc kín mặt chõ bánh để giữ hơi và làm cho chõ bánh đậm thêm hương rau khúc.*

(Trích ***Hương khúc -*** ***Tôi khóc những cánh đồng rau khúc,*** Nguyễn Quang Thiều, in trong ***Mùi của kí ức,*** NXB Trẻ, 2017)

**Câu 1**. Đoạn văn bản sử những dụng phương thức biểu đạt nào?

A. Tự sự và thuyết minh. B. Tự sự và nghị luận.

C. Tự sự và miêu tả. D. Tự sự vàbiểu cảm.

**Câu 2.** Những nhân vật nào xuất hiện trong đoạn trích?

**A.** Người mẹ. B**.** Bà và mẹ.

**C.** Tôi và bà. D**.** Tôi và mẹ.

**Câu 3.** Đoạn trích sử dụng ngôi kể thứ mấy?

**A.** Ngôi thứ nhất . B**.** Ngôi thứ hai.

**C.** Ngôi thứ ba D**.** Ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3.

**Câu 4**. Bánh khúc của bà được làm từ những nguyên liệu nào?

A. Rau khúc và bột nếp.

B. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh.

C. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh, mỡ lợn.

D. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh, mỡ lợn và hành lá.

**Câu 5.** Tại sao “*Bà tôi cứ để cối bột đã nhào kĩ chừng hơn một tiếng mới bắt đầu nặn bánh.*”?

A. Bà dành thời gian chuẩn bị mỡ.

B. Bà ủ bột bánh cho nở để chất lượng bánh được ngon hơn.

C. Bà tranh thủ dạy cháu cách làm bánh.

D. Bà dành thời gian thổi đậu xanh.

**Câu 6.** Từ “***thổi***” trong câu văn “*Bà tôi chỉ dùng một ít nước mỡ trộn với đậu xanh mà quê tôi gọi là đậu tằm được* ***thổi*** *chín và giã nhuyễn cùng với hành lá làm nhân.*” đồng nghĩa với từ nào sau đây?

A. Nấu. B. Rán.

C. Nướng D. Xào.

**Câu 7.** Dòng nào nói đúng tác dụng của phép so sánh trong câu văn “*Bà tôi giã rau khúc cho đến khi nhuyễn và dẻo như người ta giã giò.*”?

A. Diễn tả thao tác chế biến rau khúc của bà rất kĩ lưỡng, kì công.

B. Diễn tả độ khó của việc chế biến rau khúc.

C. Diễn tả các công đoạn chế biến rau khúc của bà.

D. Diễn tả các công đoạn thưởng thức món bánh khúc**.**

**Câu 8.** Vì sao món bánh khúc được coi là một món ăn dân dã?

A. Nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.

B. Cách chế biến cầu kì, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.

C. Cách thưởng thức đơn giản mà vẫn cảm nhận được hương vị của bánh.

D. Cách chế biến thủ công, nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.

**Câu 9**. Trong cảm nhận của người cháu, món bánh khúc có gì đặc biệt?

**Câu 10**. Từ nội dung của văn bản, em nhận thấy tình cảm của người cháu dành cho bà là tình cảm như thế nào? Hãy viết thành đoạn văn ngắn khoảng 5 - 7 câu.

**Phần II. Viết (4 điểm)**

Văn bản trên đã cho ta thấy được món ăn dân dã - truyền thống của dân tộc. Hãy viết bài văn (khoảng 1,5 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về việc giữ gìn và phát huy những bản sắc văn hóa dân tộc.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,25 |
| **2** | C | 0,25 |
| **3** | A | 0,25 |
| **4** | D | 0,25 |
| **5** | B | 0,25 |
| **6** | A | 0,25 |
| **7** | A | 0,25 |
| **8** | D | 0,25 |
|  | **9** | - HS nêu được sự đặc biệt của món bánh khúc. | 2,0 |
|  | **10** | - HS nêu được tình cảm của người cháu dành cho bà, của người thưởng thức dành cho người làm bánh. | 2,0 |

Đáp án phần II

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hình thức*** | Bố cục đủ 3 phần MB-TB-KB  Phần thân bài chia đoạn hợp lý theo luận điểm  Chữ viết sạch sẽ, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả | **0.5 đ** |
| ***Kĩ năng*** | Đúng kiểu bài văn nghị luận: Luận điểm rõ ràng, có dẫn chứng lý lẽ phù hợp, lập luận chặt chẽ… | **0.5 đ** |
| ***Nội dung*** | **A/ Mở bài:**  ***- Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận:***  **B/ Thân bài**  – Giải thích:  **– Thực trạng:**  **– Nguyên nhân:**  Chủ quan:  Khách quan:  **– Hậu quả:**  **– Biện pháp:**  **3/ Kết bài**  - Liên hệ:  - Mở rộng, kết luận lại vấn đề. | **0.25 đ**  **0.25 đ**  **0.25 đ**  **0.5 đ**  **0.5 đ**  **0.5 đ**  **0.25 đ** |
| Sáng tạo | - Có những dẫn chứng thuyết phục; lập luận thuyết phục, chặt chẽ; có thêm luận điểm mở rộng… | **0.5 đ** |

**TIẾT 139**

**VỀ ĐÍCH: NGÀY HỘI VỚI SÁCH**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Về kiến thức:***

- Biết cách trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách sao cho hấp dẫn và thuyết phục;

- Biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

***2. Về năng lực:***

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Biết cách trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách sao cho hấp dẫn và thuyết phục;

+ Biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

+ Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

***3. Về phẩm chất:***

- Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Tranh vẽ minh họa sách hoặc truyện tranh.

- Các cuốn sách đã đọc trong dự án.

- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu**: - Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh sẵn sàng tham gia vào thực hiện nhiệm vụ học tập, định hướng nội dung học tập  - Khích lệ học sinh tự hình thành cho mình thói quen đọc sách. | | |
| **Tổ chức hoạt động** | **Hoạt động của học sinh** | **Kết quả/ Sản phẩm học tập** |
| - GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.  *Tại Sao Cần Phải Đọc Sách?*  *Những Lợi Ích Của Việc Đọc Sách Mà Bạn Cần Biết | Nghĩ Lớn* *(https://www.youtube.com/watch?v=imNbIwVJ1lA)*  - GV nhắc nhớ những HS chưa tập trung vào video (nếu có).  *-* GV nhận xét và kết nối vào bài | - HS quan sát video, lắng nghe và trả lời câu hỏi của GV:  *? Đoạn video đề cập đến những lợi ích nào của việc đọc sách? Theo em, làm thế nào để mỗi người có thể hình thành cho mình thói quen đọc sách mỗi ngày ?*  - HS xác định nội dung của đoạn video (lợi ích của việc đọc sách) |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  I. GIỚI THIỆU SẢN PHẨM SÁNG TẠO TỪ SÁCH  **Mục tiêu:** HS trưng bày sản phẩm sáng tạo từ cuốn sách đã đọc ( là sản phẩm của các nhóm): Tranh vẽ; Truyện tranh; Bài thơ; Pô-xtơ giới thiệu nhân vật; các hình thức tóm tắt tác phẩm… | | |
| - GV gọi HS xác định yêu cầu của hoạt động.  - Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm.  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau. | - HS đọc và thực hiện yêu cầu.  - Đại diện nhóm giới thiệu sản phẩm sách, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). | Sản phẩm sáng tạo của các nhóm HS. |
| II. TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ TÁC DỤNG, Ý NGHĨA CỦA VIỆC ĐỌC SÁCH  **Mục tiêu:** - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói | | |
| - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  + Xác định mục đích nói và người nghe  *- Mục đích của bài nói là gì ?*  *- Những người nghe là ai ?*  GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm tổ, trả lời các câu hỏi sau:  *+ Sách là gì?*  *+ Có những loại sách nào?*  *+ Sách cung cấp cho ta hiểu biết về những lĩnh vực nào trong cuộc sống ?*  *+ Con người sẽ ra sao nếu thiếu sách?*  *+ Làm thế nào để tạo cho mình thói quen đọc sách?*  - GV nhận xét, tổng hợp, kết luận.  - GV yêu cầu HS tập luyện trong nhóm dựa trên dàn ý đã xây dựng.  - GV lưu ý HS: Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng; tận dụng có hiệu quả những ưu thế của các phương tiện phi ngôn ngữ để bài nói thêm sinh động, thuyết phục.  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét ý thức, thái độ làm việc của các nhóm. | - HS khai thác SGK và trả lời câu hỏi.  - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn ( nếu cần)  - Các nhóm HS suy nghĩ, thảo luận trả lời câu hỏi    Thảo luận, báo cáo  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các nhóm khác thao dõi, nhận xét, bổ sung ( nếu cần)    - HS tiến hành tập luyện  - Các nhóm tập luyện nói, nhận xét, rút kinh nghiệm cho nhau; cử đại diện nói trước lớp. | **1. Chuẩn bị nội dung và phương tiện trình bày**  ***a. Xác định mục đích nói và người nghe***  - Mục đích nói: Trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách  - Người nghe: thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.  ***b. Chuẩn bị nội dung nói***  - Sách là tài sản vô giá, là người bạn tốt. Bởi sách là nơi lưu trữ toàn bộ sản phẩm tri thức của con người, giúp ích cho con người về mọi mặt trong đời sống xã hội.  - Tác dụng của việc đọc sách:  + Giúp ta có thêm tri thức, mở rộng hiểu biết, thu thập thông tin nhanh nhất (d.chứng).  + Sách bồi dưỡng tam hồn, tình cảm cho ta… (dẫn chứng)  + Sách là người bạn tinh thần (dẫn chứng)  + Nếu không đọc sách, sẽ hạn hẹp về tầm hiểu biết, tâm hồn cằn cỗi.  - P. pháp đọc sách:  + Phải chọn sách tốt, có giá trị để đọc  + Phải đọc kỹ, vừa đọc vừa nghiền ngẫm suy nghĩ, ghi chép những điều bổ ích.  + Thực hành, vận dụng những điều học được từ sách vào cuộc sống hàng ngày.  *c. Tập luyện* |
| III. TRÌNH BÀY NÓI  **Mục tiêu:** - Luyện kĩ năng trình bày bài nói cho HS  - Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và có kĩ năng nói trước đám đông. | | |
| - Yêu cầu các nhóm HS lựa chọn đại diện trình bày bài nói trên cơ sở kết quả luyện nói ở nhóm/tổ.  + Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS quan sát.  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  ( phát phiếu đánh giá theo tiêu chí cho các nhóm và hướng dẫn HS nói.)  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn | - HS xem lại dàn ý của bài nói.    - Đại diện các nhóm trình bày bài nói (mỗi nhóm 1 đại diện). | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |
| IV. TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI  **Mục tiêu:** Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. | | |
| - GV trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - GV hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | - Các nhóm HS sử dung phiếu đánh giá ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của nhóm bạn.    - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. | - Nhận xét chéo của nhóm HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể. | | |
| - GV giao bài tập cho HS:  *? Kể tên một cuốn sách mà em đã đọc và thuyết phục bạn cùng đọc cuốn sách đó dựa tên việc trả lời những câu hỏi sau:*  *? Em đã đọc cuốn sách khi nào? Điều gì làm em thích thú khi đọc cuốn sách?*  *? Cuốn sách đem đến cho em những suy nghĩ, cảm xúc mới mẻ gì?*  *? Vì sao nên đọc cuốn sách này?*  GV nhận xét | - HS trình bày suy nghĩ của mình.  - kể tên một cuốn sách đã đọc và thuyết phục bạn cùng đọc cuốn sách đó.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). |  |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS  Bài tập 1: Giới thiệu một sản phẩm sáng tạo từ sách cùng với các bạn trong lớp, khối của em.  Bài tập 2: Làm 1 video clip ngắn thuyết phục mọi người hình thành thói quen đọc sách. | | |
| - GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập  - GV hướng dẫn HS cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng quy định (nếu có). | - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.  - Cá nhân HS hoàn thành bài tập ở nhà và nộp lại cho GV. | Sản phẩm sáng tạo của HS |

**CỦNG CỐ - DĂN DÒ:**

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng quy định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài ôn tập học kì 2.

**Tiết 140: Trả bài kiểm tra giữa kì 1**

**I. MỤC TIÊU**

- Đánh giá được ưu, nhược điểm của học sinh qua bài làm như lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, dùng từ đặt câu, viết đoạn, viết bài văn.

- Phân tích được nguyên nhân mắc lỗi trong bài làm.

**2. Năng lực**

- Nhận biết được các lỗi trong bài làm, sửa được các lỗi sai cơ bản

- Tự đánh giá; các kĩ năng làm bài kiểm tra đọc hiểu, tạo lập đoạn văn, văn bản.

**3. Phẩm chất**

**1. Kiến thức:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1.Gv

-  Sử dụng tài khoản zoom hoặc một số phần mềm khác được nhà trường cung cấp.

- KHBD, SGK, Máy tính.

2. HS: Bài kiểm tra đã làm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*Hoạt động 1: Khởi động**

**- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Giúp học sinh khắc sâu về kiểu bài kể về một trải nghiệm.

**- Tổ chức hoạt động:**

+ GV yêu cầu HS HĐ cá nhân trả lời câu hỏi:

**H:** Khi làm bài kiểm tra hay viết bài văn em thường mắc những lỗi nào?

+ HS HĐCN suy nghĩ trả lời câu hỏi

+ HS TB - CS

Lỗi chính tả

Lỗi diễn đạt

GV:Để đánh giá được ưu, nhược điểm về bài kiểm tra giữa kỳ và củng cố một số kiến thức về bài văn kể lại một trải nghiệm, đồng thời các em nhận thấy những ưu nhược điểm trên bài viết của mình, có thái độ đúng đắn trước những nhược điểm, sửa chữa, khắc phục cho những bài viết tiếp theo. Hôm nay các em có giờ trả bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề, đáp án, chữa lỗi bài kiểm tra giữa kỳ I**  **- Mục tiêu:** HS nhớ lại đề bài, đưa ra đáp án chính xác của bài kiểm tra.  **- Tổ chức hoạt động:**  **NV1: Tìm hiểu đề bài-đáp án:**  GV yêu cầu học sinh nhớ lại đề bài đã kiểm tra, có đáp án chính xác của bài kiểm tra.  HS trả lời.  - GV nhận xét bổ sung.  GV nêu câu hỏi từng phần.  HS trả lời. Học sinh khác nhận xét. GV chốt lại đáp án đúng  **NV2: Nhận xét và hướng dẫn sửa lỗi**  - Mục tiêu: Học sinh biết tự đánh giá được ưu, nhược điểm trong bài viết của mình về các mặt: Kiểu bài, nội dung.  **Nhận xét bài làm của HS**  GV yêu cầu hs đối chiếu dàn ý với bài viết của mình và nêu nhận xét  - Gọi 3 hs thuộc 3 đối tượng tự đánh giá, nhận xét ưu nhược điểm bài viết của mình. | **A. Trả bài kiểm tra giữa kỳ I**  **I. Đề bài-Đáp án**  **1. Đề bài: Đã xây dựng tiết kiểm tra**  **2.** **Đáp án:**  **II. Nhận xét, sửa lỗi** (đã chỉ ra trong bài chấm)  **1. Nhận xét**  **2. Sửa lỗi**  **a. Chính tả**   |  |  | | --- | --- | | **Lỗi** | **Sửa lại** | | .................................................................................................................................................................................................................................................. | .................................................................................................................................................................................................................................................................................. |   **b. Dùng từ, diễn đạt**  **-** ....  -........................  **c. Lỗi hình thức:**  - .....................  - ..............................  - ....................................  **III. Công bố kết quả**  ( gửi trên zl nhóm, lớp, cập nhật trên enet viet, csdl..) |

GV: Nhận xét chung bài viết của học sinh

- Ưu điểm:

+ Diễn đạt

+ Dùng từ đặt câu

+ Xác định vẫn đề

+ Luận cứ, luận chứng.

- Nhược điểm:

+

+

....

- Nhận xét riêng:

- Bài làm tốt:

- Bố cục chưa rõ ràng:

- Bài viết sơ sài,sai nhiều lỗi chính tả:

- Lạc đề:

Gv trình chiếu 1 số bài minh họa cho quan sát và sửa lỗi.

**NV3: Công bố kết quả**

- GV gọi điểm vào sổ, thống kê điểm

**Thống kê điểm**

Giỏi:

Khá:

Tb:

Yếu:

Kém:

- GV chọn 1 bài hay nhất đọc cho học sinh

**IV. Tổng kết hướng dẫn về nhà**

**1. Tổng kết:**

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

H: Em rút ra những kinh nghiệm gì khi làm bài kiểm tra, khi viết văn kể về một trải nghiệm?

- HS trả lời khái quát lại kiến thức đã học

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét, bổ sung, khái quát lại kiến thức.

**2. Hướng dẫn về nhà**

- Hướng dẫn học bài cũ: Nắm rõ các kiến thức đã học, cách viết đoạn văn,xác định đề, cách khắc phục các lỗi cơ bản.

- Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: